

Bản án số: 154/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp 2, xã A, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Anh Đặng Tuấn K, sinh năm 1979 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ

Hiện đang tạm giam trại giam Phú Hoà, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Tuấn K quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Do tình cảm không còn chị T yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Quốc Kh, sinh ngày 02/12/2011 đang sống với chị T, chị T yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2026 tại trại giam bị đơn anh Đặng Tuấn K trình bày: Anh và chị T chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày. Anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Quốc Kh, sinh ngày 02/12/2011 đang sống với chị T, anh K đồng ý để chị T nuôi con, anh K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Tuấn K hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và có văn bản trình bày ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc xin xét xử vắng mặt của chị T và anh K là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Đặng Tuấn K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đặng Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày, sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi. Từ năm 2017 đến nay, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày và đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên Đặng Quốc K, sinh ngày 02/12/2011. Hiện cháu Kh đang sinh sống cùng chị T. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh sau khi ly hôn; anh K cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của cháu Kh và cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng mẹ. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện để tiếp tục chăm sóc, giáo dục con chung, đồng thời việc giao cháu Kh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu và sự thống nhất của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Quốc Kh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đặng Tuấn K được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Đặng Quốc Kh, sinh ngày 02/12/2011 cho chị Bùi Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi. Anh Đặng Tuấn K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0006274 ngày 07/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND kv 14 – Cần Thơ;
- THAHS Tp. Cần Thơ;
- UBND xã C,
Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh